

**BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN BÁN TOÀN BỘ TÀI SẢN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5**

Hà Nội, tháng 08 năm 2018

MỤC LỤC

I. Tổng quan	4
1. Thông tin về Chủ sở hữu Dự án nhà máy Thủy điện Sông Bung 5	4
2. Cơ sở pháp lý của Dự án	4
3. Các từ viết tắt	5
4. Thông tin chung về dự án	5
5. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	9
6. Sơ đồ tổ chức	9
7. Tình hình lao động	9
8. Tình hình bất động sản (đất đai)	9
9. Hoạt động của NMTĐSB5 các năm 2013-2017	10
II. Quyết toán Dự án	11
1. Nguồn vốn đầu tư	11
2. Chi phí đầu tư Dự án được quyết toán	12
3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư	12
4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư	12
5. Các khoản nợ, vay của NMTĐSB5	12
III. Hợp đồng mua bán điện	13
IV. Giá trị tài sản NMTĐSB5	13
V. Phương án bán toàn bộ tài sản NMTĐSB5	14
1. Cơ sở pháp lý	14
2. Mục đích bán NMTĐSB5	15
3. Ý kiến của Ngân hàng cho vay vốn	15
4. Phương thức và hình thức bán	15
5. Tổ chức thực hiện bán đấu giá NMTĐSB5	15
6. Xử lý trường hợp bán đấu giá tài sản không thành công	16
7. Giá khởi điểm bán đấu giá	16
8. Kế hoạch thực hiện	17
9. Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án	19
VI. Kế hoạch sử dụng thu nhập từ việc bán tài sản NMTĐSB5	19
1. Thu nhập từ việc bán NMTĐSB5	19
2. Thanh toán các khoản nợ, vay và các nghĩa vụ tài chính	20
3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty sau khi bán Sông Bung 5	20
VII. Kết luận	21

Tài liệu kèm theo báo cáo:

- Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 ngày 31/03/2018;
- Báo cáo Kiểm toán quyết toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018 Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018 của Tổ kiểm tra số liệu quyết toán EVN;
- Nghị quyết số 238/NQ-HĐTV ngày 28/06/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5; Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/06/2018 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- Báo cáo pháp lý số 25-08/2018/BCPL/VL/TV1 ngày 25/08/2018 của Công ty Luật TNHH Vina Legal;
- Chứng thư thẩm định giá số 280818.008/CTTĐ.TĐG ngày 28/08/2018 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC về kết quả thẩm định giá trị tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 tại thời điểm 30/6/2018;
- Văn bản số 38/CNTLG ngày 28/05/2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long về chủ trương bán dự án thủy điện Sông Bung 5;
- Văn bản số 1374/ĐTĐL-GP ngày 24/8/2018 của Cục Điều tiết Điện lực-Bộ Công Thương về giá điện và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 NMTĐ Sông Bung 5;
- Danh sách lao động NMTĐSB5 tại thời điểm 30/6/2018.

I. Tổng quan

1. Thông tin về Chủ sở hữu Dự án nhà máy Thủy điện Sông Bung 5

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1
- Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 1
- Tên viết tắt: PECC1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/8/2017.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2018: 326,26 tỷ đồng.
- Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
- Số fax: (84.4) 35520670; (84-4) 38541208
- Website: <http://www.pecc1.com.vn>

2. Cơ sở pháp lý của Dự án

- Văn bản số 360/BCN-NLD ngày 22/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chấp thuận để Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 được làm Chủ đầu tư Công trình thủy điện Sông Bung 5;
- Quyết định số 88/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 06/3/2009 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Sông Bung 5;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 của UBND ngày 11/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam;
- Giấy phép hoạt động Điện lực số 36/GP-ĐTĐL ngày 14/5/2013 Do Cục Điều tiết Điện lực Bộ Công Thương cấp;
- Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 2317/GP-BTNMT ngày 26/12/2012 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Hợp đồng mua bán điện số 03/2013/HĐ-NMĐSB5 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký ngày 28/3/2013 và các phụ lục sửa đổi bổ sung: số 01 ký ngày 27/2/2015, số 02 ký ngày 18/1/2017, số 03 ký ngày 28/02/2018 và số 04 ký tháng 3/2018;
- Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 02/12/2009 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1;
- Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi (nay là chi nhánh Thăng Long) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1. Và các phụ lục hợp đồng số 01/2013/SB5-PLHĐTD ngày 25/07/2013 và 02/2013/SB5-PLHĐTD ngày 30/08/2013 và 03/2015/SB5-PLHĐTD ngày 30/03/2015;

- Chi tiết tổng dự toán công trình Thủy điện Sông Bung 5 - phần xây dựng, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác - tập 13.2A;
- Chi tiết tổng dự toán công trình Thủy điện Sông Bung 5-Phần thiết bị-Tập 13.3A;
- Quyết định số 334/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 10/8/2009 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - tổng dự toán dự án đầu tư xây dựng NMTĐ Sông Bung 5 - tỉnh Quảng Nam;
- Quyết định số 354/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2&Đ2 ngày 20/08/2010 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt hiệu chỉnh công suất lắp máy Dự án đầu tư NMTĐ Sông Bung 5 - tỉnh Quảng Nam;
- Quyết định số 185/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 26/04/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt hiệu chỉnh công suất lắp máy Dự án đầu tư NMTĐ Sông Bung 5 - tỉnh Quảng Nam;
- Biên bản nghiệm thu có tải và chốt chỉ số công tơ tại thời điểm kết thúc chạy thử nghiệm tổ máy số 1 NMTĐ Sông Bung 5;
- Biên bản nghiệm thu có tải và chốt chỉ số công tơ tại thời điểm kết thúc chạy thử nghiệm tổ máy số 2 NMTĐ Sông Bung 5;
- Quyết định số 185/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 26/04/2012 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc phê duyệt hiệu chỉnh công suất lắp máy Dự án đầu tư NMTĐ Sông Bung 5 - tỉnh Quảng Nam;
- Nghị quyết số 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/10/2012 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 về việc Quyết định thành lập NMTĐ Sông Bung 5.

3. Các từ viết tắt

- EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- PECC1: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1;
- NMTĐSB5: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5;

4. Thông tin chung về dự án

NMTĐSB5 thuộc quy hoạch bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn tỉnh Quảng Nam đã được Bộ Công thương phê duyệt hiệu chỉnh tại Quyết định số 1438/QĐ-BCT ngày 10/3/2008.

NMTĐSB5 được xây dựng trên Sông Bung nằm ở hạ lưu 2 dự án thủy điện A Vương và Sông Bung 4. Tuyến đập nằm trên địa bàn thị trấn Thanh Mỹ huyện Nam Giang và xã Ma Cooih huyện Đông Giang tỉnh Quảng Nam, thuộc miền Trung có tọa độ: 15°48'31" vĩ độ Bắc; 107°44'44" kinh độ Đông. Dự án được xây dựng với nhiệm vụ chính là phát điện với công suất 57 MW cho mạng lưới điện Quốc gia, với sản lượng điện hằng năm là 208,85 GWh.

- Dự án được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 với tổng mức đầu tư là 1.372 tỷ đồng trong đó vốn tự có của Công ty là 411,6 tỷ đồng; vốn vay thương mại là 960,4 tỷ đồng.
- Tổng dự toán được duyệt: 1.367.080.780.000 đồng.

- Địa điểm thực hiện: Xã Mà Cooih, huyện Đông Giang và thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Quy mô công trình: Cấp II.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 257,02 ha.
- Công suất nhà máy: 2x28,5MW;
- Sản lượng điện hằng năm (cả tự dùng): 208,85 GWh;
- NMTĐSB5 được khởi công xây dựng từ tháng 06/2009 và đã phát điện lên lưới điện Quốc gia:
 - + Tổ máy 1: từ ngày 25/12/2012;
 - + Tổ máy 2: từ ngày 17/7/2013.
- Tài sản hình thành từ dự án đang là tài sản đảm bảo thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ký ngày 14/8/2009 với Ngân hàng:
 - + Giá trị tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2009/SB5-HĐTCBĐS là 846.733.900.000 đồng là chi phí xây lắp của dự án được dự tính tại thiết kế kỹ thuật.
 - + Giá trị tài sản thế chấp của Hợp đồng thế chấp Động sản và Quyền tài sản số 02/2009/HĐTCĐS là 525.266.100.000 đồng là chi phí của dự án được dự tính tại thiết kế kỹ thuật.
- Các hạng mục chính của NMTĐSB5:

NMTĐSB5 bao gồm các hạng mục chính sau đây: công trình xả, cửa lấy nước, đường ống áp lực, công trình dẫn dòng thi công, nhà máy thủy điện, cửa xả hạ lưu, trạm phân phối điện và tuyến đường dây 110kV cung cấp điện tới trạm biến áp 220/110kV Thạch Mỹ.

 - + Hồ chứa được hình thành bởi đập dâng có mực nước dâng bình thường là 60,00m và mực nước chết là 58,50m so với mực nước biển, dung tích hữu ích khoảng 2,45 triệu m³.
 - + Công trình xả bao gồm 06 cửa van cung xả mặt, vận hành bằng các xy lanh thủy lực. Các cửa van cung xả mặt được trang bị chung một cửa van phẳng sửa chữa, nâng hạ bằng cầu trục chân dê.
 - + Hạng mục công trình cống dẫn dòng thi công, được chia thành bốn (04) khoang tại phía đầu vào bằng các trụ bê tông ở giữa, mỗi khoang cống dẫn dòng có kích thước thông thủy Cao x Rộng = 5,0m x 7,0m. Cống dẫn dòng được trang bị hai (02) bộ cửa van kiểu phẳng trượt, các cửa van được vận hành đóng mở bằng xi lanh thủy lực. Hạng mục này chỉ được sử dụng trong thời gian thi công công trình.
 - + Hạng mục cửa lấy nước bao gồm hai cửa lấy nước; mỗi cửa lấy nước được chia thành hai khoang, mỗi khoang được bố trí một (01) cửa van vận hành, đóng mở bằng máy nâng thủy lực. Để sửa chữa, tại cửa lấy nước được trang bị hai (02) cửa van sửa chữa, kiểu phẳng trượt được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.
 - + Đường dẫn nước vào tuốc bin gồm hai (02) tuyến đường hầm bê tông dài khoảng 28m nối từ cửa nhận nước đến nhà máy.

+ Nhà máy thủy điện bao gồm hai (02) máy phát công suất 28.5MW-10,5kV được nối trực tiếp với hai (02) tuốc bin Kaplan. Mỗi máy phát sẽ được đầu nối với một máy biến áp ba pha, công suất 31,5MVA, nâng điện áp máy phát từ 10,5kV lên điện áp 110kV. Các máy biến áp sẽ được đầu nối với trạm phân phối điện ngoài trời bằng hai lộ đường dây trên không. Năng lượng sẽ được chuyển từ trạm phân phối của nhà máy vào TBA 220/110kV Thạnh Mỹ theo một tuyến đường dây 110kV.

+ Cửa xả hạ lưu nhà máy thủy điện được trang bị bốn (04) cửa van phẳng trượt, được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.

- Các thông số chính của nhà máy:

STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
I	Hệ thống sông		Sông Bung
II	Thủy văn		
1	Diện tích lưu vực FLV	km ²	2.369
2	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /giây	118,13
3	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,1%	m ³ /giây	16991
III	Hồ chứa		
1	Mức nước dâng bình thường (MNDBT)	m	60
2	Mức nước chết (MNC)	m	58,5
3	Dung tích toàn bộ hồ chứa	10 ⁶ m ³	20,27
4	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	2,45
IV	Đập dâng nước		
1	Loại đập		Đập bê tông trọng lực thường
2	Cao trình đỉnh đập	m	68
3	Chiều dài đập theo đỉnh	m	158,87
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	41,5
V	Đập tràn		
1	Kiểu tràn		Bê tông cốt thép
2	Số lượng cửa van	Cái	6
3	Cao trình ngưỡng	m	45
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	13,0 x 15,7
VI	Cửa lấy nước		
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Cửa van vận hành	Cái	4
3	Cửa van sửa chữa	Cái	2
4	Cao trình ngưỡng đáy	m	46
5	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	4,10x8,00
VII	Cống dẫn dòng		

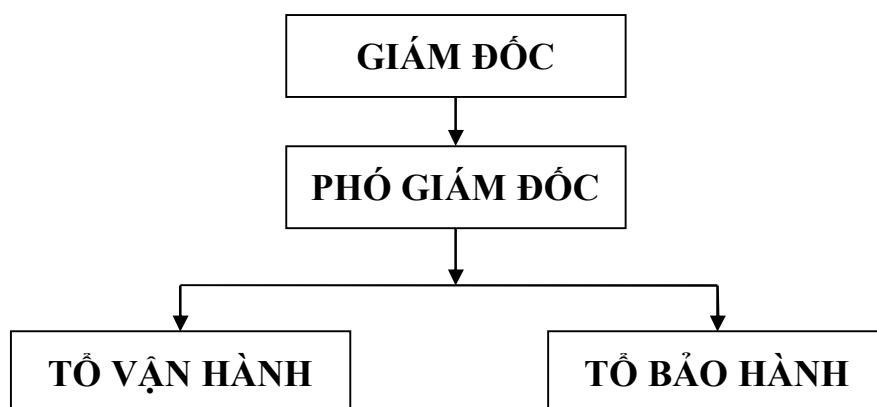
STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Số cửa van	Cái	2
3	Cao trình ngưỡng	m	28
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	5,0 x 7,0
VIII	Đường ống dẫn nước		
1	Kiểu		Bê tông
2	Số lượng	Tuyến	2
3	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m	4,1x5,4
4	Chiều dài	m	28
5	Lưu lượng thiết kế	m ³ /giây	217
IX	Nhà máy thủy điện		
1	Kiểu		kiểu hở, sau đập
2	Lưu lượng thiết kế tối đa	m ³ /giây	217
3	Mức nước hạ lưu lớn nhất (P=0,1%)	m	52,08
4	Mức nước hạ lưu nhỏ nhất	m	30,7
5	Cao trình sàn lắp máy	m	41,25
6	Cao trình sàn gian máy	m	35
7	Cao trình đặt tuốc bin	m	23,95
8	Kích thước nhà máy (dài x rộng) khoảng	m x m	63 x 17,8
9	Cột nước tính toán Htt	m	27
10	Cột nước lớn nhất Hmax	m	29,5
11	Cột nước nhỏ nhất Hmin	m	16,5
12	Cột nước trung bình Htb	m	27,7
13	Công suất lắp máy	MW	57
14	Công suất đảm bảo	MW	14,33
15	Kiểu tua bin		Kaplan
16	Số tổ máy	tổ	2
17	Điện lượng trung bình hàng năm	10 ⁶ kWh	208,85
X	Cửa ống xả		
1	Số cửa van	cái	4
2	Cao trình ngưỡng đáy	m	16,15
3	Kích thước (rộng x cao)	m x m	4,2 x 4,2
XI	Trạm phân phối		
1	Kiểu		Trạm hở
2	Cấp điện áp	kV	110
3	Cao trình trạm	m	55
4	Kích thước trạm	m x m	42,0x33,0

5. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Căn cứ theo Quyết định 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1, NMTĐSB5 có các chức năng và nhiệm vụ sau:

- Chức năng: Quản lý, vận hành công trình thủy điện Sông Bung 5 hoạt động phát điện.
- Nhiệm vụ: Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác sản xuất điện năng.

6. Sơ đồ tổ chức



7. Tình hình lao động

Tình hình lao động của NMTĐSB5 tại thời điểm 30/6/2018:

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	50	100%
- Trên đại học	1	2%
- Đại học	15	30%
- Cao đẳng, Trung cấp	25	50%
- Công nhân kỹ thuật	4	8%
- Lao động phổ thông	5	10%
Phân theo loại hợp đồng lao động	50	100%
- Hợp đồng không thời hạn	0	0%
- Hợp đồng có xác định thời hạn	40	80%
- Hợp đồng thời vụ	4	8%

8. Tình hình bất động sản (đất đai)

Danh mục đất đai thuộc NMTĐSB5 đến thời điểm hiện tại:

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
-----	--------	-----------------------------	------------------	---------------

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Xã Mã Cooih, huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam	1.270.421m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước là 411.836m ² , diện tích đất có mặt nước là 858.585m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam
2	Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	925.153m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước: 202.168m ² , diện tích đất có mặt nước: 722.985m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	-Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam

9. Hoạt động của NMTĐSB5 các năm 2013-2017

Từ khi được đưa vào vận hành tới nay, nhà máy vận hành ổn định, không sự cố và đã đóng góp tích cực vào hệ thống lưới điện Quốc gia, góp phần xoá đói giảm nghèo vùng miền núi. Giai đoạn 2013-2016, do biến đổi khí hậu, rơi vào chu kỳ khô hạn và một số nhà máy thủy điện tại bậc thang trên tích nước hồ chứa, doanh thu bán điện của NMTĐSB5 chưa đạt được sản lượng điện theo thiết kế. Năm 2017 nhà máy đã đạt sản lượng điện 250GWh, vượt 20% so với sản lượng thiết kế .

Đơn vị: đồng

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
I - Sản lượng phát điện (kWh)	250.018.629	169.499.256	151.713.258	125.930.100
1. Sản lượng được tính theo giá Hợp đồng MBĐ	230.162.131	152.543.298	136.380.058	125.930.100
2. Sản lượng tính giá tham gia thị trường điện cạnh tranh	19.856.498	16.955.958	15.333.200	
II - Doanh thu bán điện (đồng)	229.511.814.215	157.301.815.760	146.101.023.385	118.220.659.278
1. Doanh thu theo sản lượng Hợp đồng MBĐ	216.526.923.129	143.204.597.296	128.030.870.849	118.220.659.278
2. Doanh thu theo sản lượng tham gia thị trường điện cạnh tranh	12.984.891.086	14.097.218.464	18.070.152.536	
III- Thuế tài nguyên và phí MT	25.806.782.224	16.389.491.486	12.761.779.093	9.732.299.177

Nội dung	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2014
1. Thuế tài nguyên	20.401.461.308	12.999.506.366	9.727.513.933	7.213.697.177
2. Phí môi trường	5.405.320.916	3.389.985.120	3.034.265.160	2.518.602.000
IV- Tổng doanh thu (bao gồm thuế tài nguyên và phí MT)	255.318.596.439	173.691.307.246	158.862.802.478	127.952.958.455
V - Đơn giá bán điện bình quân (đồng)				
1. Theo sản lượng Hợp đồng MBA	940,76	938,78	938,78	938,78
2. Theo sản lượng tham gia thị trường cạnh tranh	653,94	831,40	1.178,5	
3. Giá điện theo thị trường điện cạnh tranh bình quân	888			

II. Quyết toán Dự án

Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi Công ty ngày 31/03/2018 và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018.

Đồng thời Báo cáo quyết toán cũng được thẩm định tại các Báo cáo thẩm tra của Công ty ngày 31/5/2018 và Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018 của Tổ kiểm tra số liệu quyết toán EVN.

Ngày 28/06/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam có Nghị quyết số 238/NQ-HĐTV về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty đã thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018. Theo đó, HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/06/2018 với các nội dung chính như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư

Vốn đầu tư Dự án được cơ cấu từ nguồn vốn vay thương mại từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009; và nguồn vốn đối ứng của Công ty. Cụ thể số liệu tại thời điểm 31/3/2018 như sau:

Đơn vị: đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện (bao gồm VAT)
----------------------	-------------------------------	--------------------------------

		Kế hoạch	Đã thanh toán
Vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	960.034.600.000	960.034.600.000	608.869.443.756
Vốn đối ứng:	411.443.400.000	411.443.400.000	482.693.278.240
- Vốn tự có			255.226.057.944
- Vốn khác			227.467.220.296
Tổng cộng	1.371.478.000.000	1.371.478.000.000	1.091.562.721.996

2. Chi phí đầu tư Dự án được quyết toán

Đơn vị: Đồng

Tổng chi phí đầu tư theo giá trị quyết toán	Dự toán được duyệt (bao gồm cả thuế)	Giá trị bao gồm thuế VAT	Giá trị trước thuế
1. Chi phí xây dựng	555.373.772.232	488.163.524.103	443.823.896.478
2. Chi phí thiết bị	501.530.100.443	378.468.015.301	367.150.551.751
3. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	25.521.704.800	22.510.121.972	21.533.606.409
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	62.588.548.136	48.972.703.169	47.336.726.763
5. Chi phí quản lý dự án	16.767.930.625	16.764.400.473	16.756.795.508
6. Chi phí lãi vay	142.742.303.241	135.733.213.386	135.733.213.386
7. Chi phí khác	50.434.266.637	41.508.506.495	39.170.142.829
8. Dự phòng	12.122.163.225	0	0
Tổng cộng	1.367.080.789.339	1.132.120.484.899	1.071.504.933.125

3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: 422.667.420 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Tài sản dài hạn (cố định): 1.053.479.989.185 đồng;
 - Tài sản ngắn hạn: 17.602.276.520 đồng.
- Tổng cộng: **1.071.082.265.705 đồng.**

5. Các khoản nợ, vay của NMTĐSB5

a) Hợp đồng tín dụng với VietinBank

Đến thời điểm 30/6/2018, số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long là **607.184.443.756 đồng.**

b) Nợ phải thu/nợ phải trả các nhà thầu

STT	Nội dung	Số phải thu (VNĐ)	Số phải trả (VNĐ)
1	Phải trả nhà thầu CC47		7.831.080.343
2	Phải trả nhà thầu cung cấp thiết bị		24.131.982.926
3	Phải trả nội bộ (PECC1)		1.141.250.000
4	Phải trả các nhà thầu khác		8.325.458.074
5	Phải thu nhà thầu khác	872.008.440	
6	Tổng phải trả, phải thu	872.008.440	41.429.771.343
7	Tổng nợ (sau khi bù trừ nợ phải thu, phải trả)	40,557,762,903	

III. Hợp đồng mua bán điện

NMTĐSB5 hiện đang bán điện lên lưới điện Quốc gia theo hợp đồng bán điện số 03-2013/HĐ-NMĐSB5 ngày 28/3/2013 và các phụ lục sửa đổi bổ sung số 04 tháng 3/2018, số 03 ngày 28/02/2018.

- EVN đã phê duyệt giá bán điện và dự thảo Hợp đồng mua bán điện (Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 05 NMTĐ Sông Bung 5) tại Nghị quyết số 286/NQ-HĐTV ngày 06/08/2018 với chi tiết giá bán điện (chưa bao gồm thuế tài nguyên, phí môi trường...) như sau:

- a) Giá cố định bình quân nhiều năm: 569,36 đồng/kWh;
- + Giá cố định từ 01/1/2019 đến 31/12/2021: 569.36 đồng/kWh;
- + Giá cố định từ 01/1/2022 đến hết đời sống kinh tế của dự án: 243,66 đồng/kWh;
- b) Giá O&M năm cơ sở (2018): 75,75 đồng/kWh;
- + Giá O&M theo chi phí nhân công, trượt theo CPI Việt Nam nhưng không quá 2,5% (từ năm cơ sở): 30,3 đồng/kWh;
- + Giá O&M theo chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác, trượt 2,5%/năm (từ năm cơ sở): 45,45 đồng/kWh;

- Giá mua bán điện và dự thảo Hợp đồng mua bán điện (sửa đổi, bổ sung) nêu trên đã được Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương chấp thuận tại văn bản số 1374/ĐTĐL-GP ngày 24/8/2018 về giá điện và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 05 NMTĐ Sông Bung 5.

Theo đó, PECC1 sẽ ký Hợp đồng mua bán điện (sửa đổi, bổ sung) với EVN theo các văn bản nêu trên.

IV. Giá trị tài sản NMTĐSB5

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 280818.008/CTTĐ.TĐG ngày 28/08/2018 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC về kết quả thẩm định giá

trị tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 tại thời điểm 30/6/2018, giá trị tài sản NMTĐSB5 tại thời điểm 30/06/2018 là **1.686.000.000.000 đồng**.

Chúng thư thẩm định giá xác định giá trị tài sản NMTĐSB5 trên cơ sở các đầu vào như sau:

- Giá bán điện theo Hợp đồng mua bán điện được lấy theo giá bán điện đã được EVN phê duyệt tại Nghị quyết số 286/NQ-HĐTV ngày 06/08/2018 như nêu tại mục III⁽¹⁾ trên đây. Trong trường hợp có sự thay đổi về giá bán điện khi ký Hợp đồng mua bán điện, Chúng thư thẩm định giá cũng sẽ được hiệu chỉnh lại theo giá bán điện được ký kết.
- Giá điện theo thị trường điện cạnh tranh được ước tính trên cơ sở giá bình quân trên thị trường điện cạnh tranh từ năm 2015 - 2017 là 890 đồng/KWh. Đồng thời ước giá điện theo thị trường điện cạnh tranh tăng 2,5%/năm (theo tốc độ tăng cho phép đối với chi phí nhân công, sửa chữa trong hợp đồng mua bán điện).
- Sản lượng điện bình quân là 205,51 triệu kWh/năm theo HĐ mua bán điện.
- Sản lượng điện tham gia thị trường điện cạnh tranh của NMTĐSB5 trong năm 2018 là 20% trên tổng sản lượng điện bình quân nhiều năm. Đồng thời tỷ lệ này sẽ tăng thêm 5%/năm và ổn định khi đạt tỷ lệ tham gia thị trường điện cạnh tranh là 40% từ năm 2022.
- Tỷ suất chiết khấu (WACC) được tính trên cơ sở chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu (xác định theo Tiêu chuẩn thẩm định giá số 12) là 7%/năm và chi phí lãi vay là 10,5% (xác định theo lãi suất cho vay vốn của VietinBank cho PECC1 vay thực hiện NMTĐSB5).

V. Phương án bán toàn bộ tài sản NMTĐSB5

1. Cơ sở pháp lý

Phương án bán toàn bộ tài sản NMTĐSB5 được lập trên các cơ sở pháp lý sau:

- Nghị quyết số 81/NQ-HĐTV ngày 24/3/2017 và văn bản số 78/EVN-HĐTV ngày 04/4/2017 của HĐTV EVN về việc Phương án khắc phục tình hình tài chính của CTCP TVĐ1;
- Văn bản số 1946/EVN-QLV ngày 05/5/2017 của EVN về việc lựa chọn tư vấn xây dựng Phương án án toàn bộ NMTĐ Sông Bung 5;
- Văn bản số 2258/EVN-QLĐT-QLV ngày 24/5/2017 của EVN về việc lập phương án bán toàn bộ NMTĐ Sông Bung 5 và phương án thành lập công ty TNHH MTV sau đó cổ phần hóa;
- Văn bản số 3489/EVN-QLV ngày 01/8/2017 của EVN về việc hoàn thiện phương án xử lý tài chính đối với NMTĐ Sông Bung 5 và EVNPECC1;

¹ Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương đã có văn bản số 1374/ĐTĐL-GP ngày 24/8/2018 chấp thuận giá mua bán điện như nội dung tại Nghị quyết số 286/NQ-HĐTV ngày 06/08/2018 của EVN. Như vậy, giá bán điện đầu vào của Chúng thư thẩm định giá đã phù hợp với các quyết định nêu trên.

- Nghị quyết số 338/NQ-HĐTV ngày 09/11/2017 và văn bản số 375/EVN-HĐTV ngày 24/11/2017 về việc Phương án bán toàn bộ NMTĐ Sông Bung 5; Thông báo kết luận cuộc họp số 174/TB-EVN ngày 22/5/2018;

2. Mục đích bán NMTĐSB5

Mục đích bán NMTĐSB5 là để có nguồn khắc phục tình trạng tài chính hiện tại của Công ty và đưa Công ty khỏi tình trạng giám sát tài chính đặc biệt của EVN, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong các nội dung sau:

- Khắc phục các vấn đề Kiểm toán độc lập đã có ý kiến tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty, cụ thể là việc dự phòng trích lập phải thu khó đòi, kết chuyển giá vốn một số công trình đã hoàn thành còn chi phí dở dang, hạch toán chi phí lãi trong việc đầu tư NMTĐ Sông Bung 5.
- Thanh toán các khoản nợ thuế và Ngân sách Nhà nước khác; nợ vay tín dụng, nợ vay cá nhân, nợ lương người lao động, v.v.
- Phục vụ chương trình tái cấu trúc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chi tiết kế hoạch sử dụng thu nhập từ việc bán NMTĐSB5 được trình bày tại mục VI.

3. Ý kiến của Ngân hàng cho vay vốn

Ngày 28/05/2018, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long (đơn vị ký Hợp đồng cho vay vốn tín dụng) đã có văn bản số 38/CNTLG đồng ý về chủ trương bán NMTĐSB5 theo hình thức kế thừa công nợ.

4. Phương thức và hình thức bán

Tại Báo cáo pháp lý số 25-08/2018/BCPL/VL/TV1 ngày 25/08/2018 của Công ty Luật TNHH Vina Legal, Tư vấn luật đã phân tích chi tiết các yếu tố về pháp lý, tiến độ, trình tự thủ tục thực hiện phương thức bán tài sản và chuyển nhượng dự án.

Căn cứ tiến độ, hiệu quả của việc bán dự án và thực tế hiện nay dự án NMTĐSB5 đã hoàn thành quyết toán (kết thúc giai đoạn đầu tư), đã hình thành tài sản, Công ty đề xuất:

- Về phương thức bán: Thực hiện bán đấu giá tài sản công khai theo Luật đấu giá tài sản, tổ chức bán đấu giá thông qua đơn vị đấu giá trung gian có uy tín và được pháp luật cho phép.
- Về hình thức: Bán toàn bộ NMTĐSB5 có kế thừa khoản nợ vay Ngân hàng dùng cho đầu tư NMTĐ Sông Bung 5 đến thời điểm bán đấu giá thành công và toàn bộ đội ngũ cán bộ vận hành NMTĐSB5 đến thời điểm chuyển giao tài sản .

5. Tổ chức thực hiện bán đấu giá NMTĐSB5

Việc tổ chức bán đấu giá sẽ được thực hiện thông qua đơn vị tổ chức đấu giá trung gian hợp pháp có uy tín, đủ điều kiện thực hiện bán đấu giá tài sản theo các quy định của pháp luật.

6. Xử lý trường hợp bán đấu giá tài sản không thành công

Trường hợp bán đấu giá lần đầu tiên không thành công, Công ty có thể tiếp tục tiến hành tổ chức bán theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Giá khởi điểm bán đấu giá

Giá khởi điểm bán đấu giá NMTĐSB5 được xác định như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tham chiếu	Giá trị (VNĐ)
1	Giá trị tài sản NMTĐSB5 sau thẩm định giá	Dự thảo Chứng thư thẩm định giá ngày 03/08/2018 của AASC	1.686.000.000.000
2	Chi phí bán NMTĐSB5		1.781.000.000
2.1	Chi phí Tư vấn thẩm định giá và lập Phương án bán	Hợp đồng số 01/2018/HĐ-TVB01-SB5 ngày 30/1/2018.	696.000.000
2.2	Chi phí tổ chức bán đấu giá (0,3% tổng giá trị chào bán thành công dự kiến không quá 300 triệu)	Điểm b) Khoản 1 Điều 3 Thông tư 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017	300.000.000
2.3	Chi phí thuê tư vấn Luật	HĐ số 1018/2017/HĐTVPLTX ngày 01/8/2017 và PLHĐ số 0602/2018/PLHĐ/VL-PECC1 ngày 6/2/2018.	385.000.000
2.4	Chi phí lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá	Dự kiến	400.000.000
3	Chi phí dự phòng	Dự phòng 12% chi phí bán	213.720.000
4	Giá khởi điểm đấu giá $\{(1)+(2)+(3)\}$		1.687.994.720.000
5	Giá khởi điểm đấu giá (làm tròn)		1.688.000.000.000

Như vậy, giá khởi điểm chào bán tài sản NMTĐSB5 là **1.688.000.000.000 đồng**.

Giá trị thanh toán tại Hợp đồng mua bán tài sản sẽ là giá bán đấu giá thành công trừ tổng giá trị khoản nợ vay Ngân hàng của dự án đến thời điểm bán đấu giá (hình thức kế thừa nợ), Bên mua phải kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và trách nhiệm đối với Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 và các phụ lục kèm theo của Hợp đồng.

Bên mua cũng phải thỏa mãn các điều kiện về kế thừa công nợ nêu trên theo các quy định của Ngân hàng.

Các khoản nợ phải thu, phải trả nhà thầu khác thực hiện thi công xây dựng dự án nêu tại mục II.5.b thuộc trách nhiệm của PECC1.

8. Kế hoạch thực hiện

Việc chuẩn bị và tổ chức đấu giá tài sản NMTĐSB5 sẽ được HĐQT Công ty chủ trì thực hiện sau khi được các đơn vị chức năng và ĐHCĐ của Công ty thông qua. Các mốc chính của kế hoạch tổ chức thực hiện bán NMTĐSB5 như sau:

- Đại hội đồng cổ đông của PECC1 thông qua phương án bán toàn bộ tài sản NMTĐSB5 Ngày T
- Tổ chức đấu giá và xác định người trúng đấu giá T+35
- Thanh toán tiền theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán tài sản T+50
- Hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng khác T+130

Kế hoạch, trình tự thủ tục thực hiện bán tài sản NMTĐSB5 được trình bày chi tiết trong Báo cáo pháp lý số 25-08/2018/BCPL/VL/TV1 ngày 25/08/3018 của Công ty Luật TNHH Vina Legal và được tóm tắt như sau:

STT	Các bước	Cấp phê duyệt	Thời hạn theo quy định	Văn bản pháp lý tham chiếu	Thời gian dự kiến
1	PECC1 tổ chức thẩm định giá NMTĐSB5	Hội đồng quản trị của PECC1	-	Luật Giá 2012	Đã thực hiện
2	Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản về việc bán/chuyển nhượng NMTĐSB5	Ngân hàng cho vay	-	Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp tài sản	Đã thực hiện
3	EVN thông qua phương án bán NMTĐSB5, bao gồm thông qua giá khởi điểm	EVN	-	Quy chế quản lý Người đại diện của EVN	
4	Đại hội đồng cổ đông của PECC1 thông qua phương án bán	Đại hội đồng cổ đông của PECC1	-	Điều lệ PECC1, Luật Doanh nghiệp 2014	T
5	Xây dựng Hồ sơ mời đấu giá, Phương án xử lý lao động tại NMTĐSB5 và niêm yết việc đấu giá	Hội đồng quản trị của PECC1	-	Luật Đấu giá tài sản 2016; Nghị định 151/2017/NĐ-CP	T+10
6	Tổ chức đấu giá và xác định người trúng đấu giá	Tổ chức đấu giá tài sản	15 ngày kể từ ngày niêm yết việc đấu giá	Luật Đấu giá tài sản 2016; Nghị định 151/2017/NĐ-CP	T+35

STT	Các bước	Cấp phê duyệt	Thời hạn theo quy định	Văn bản pháp lý tham chiếu	Thời gian dự kiến
7	Ký Hợp đồng bán tài sản; thanh lý Hợp đồng tín dụng giữa PECC1 và Ngân hàng; thực hiện thủ tục thay thế bên bảo đảm, nếu cần	Hội đồng quản trị	-	Luật Đầu tư 2014 và Luật Đấu giá tài sản 2016	T+45
8	Thanh toán tiền bán tài sản theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán (việc thanh toán tiền có thể được phân chia thành nhiều đợt)	Hội đồng quản trị của PECC1	-	Luật Đầu tư 2014, Bộ luật Dân sự 2015	T+50
9	Báo cáo Cục Điều tiết điện lực về việc chuyển giao hoạt động điện lực	Hội đồng quản trị của PECC1	Trong thời hạn 60 ngày trước ngày chuyển giao hoạt động điện lực	Thông tư 12/2017/TT-BCT	T+50
10	Đề nghị UBND tỉnh Quảng Nam chấp thuận việc thay đổi nhà đầu tư của Dự án SB5 do bán NMTĐ SB5 – Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới cho bên mua tài sản	UBND tỉnh Quảng Nam	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Luật Đầu tư 2014, Nghị định 118/2015/NĐ-CP	T+85
11	Thực hiện thủ tục bán tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tại cơ quan quản lý về tài nguyên và môi trường	Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Luật Điện lực 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực 2012, Nghị định 137/2013/NĐ-CP, Thông tư 12/2017/TT-BCT	T+130
12	Thực hiện thủ tục thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực và xin cấp Giấy phép hoạt động điện lực cho bên nhận chuyển nhượng NMTĐSB5	Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công Thương	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Luật Đất đai 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Nghị định 01/2017/NĐ-CP, Quyết định số 1839/QĐ-BTNMT ngày	T+130

STT	Các bước	Cấp phê duyệt	Thời hạn theo quy định	Văn bản pháp lý tham chiếu	Thời gian dự kiến
				27/08/2014, Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT	
13	Thực hiện thủ tục xin cấp lại Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho bên nhận chuyển nhượng NMTĐSB5	Bộ Tài nguyên và Môi trường	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Luật Tài nguyên nước 2012, Nghị định 201/2013/NĐ-CP	T+130

Bảng trên đây chỉ liệt kê các bước chính của phương án bán NMTĐSB5. Trên thực tế, Công ty có thể cần thực hiện thêm các bước/công việc khác theo quy định của pháp luật hoặc khi cần thiết.

9. Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án

Bên mua NMTĐSB5 phải kế thừa toàn bộ lực lượng lao động đang vận hành NMTĐSB5 có trong Danh sách lao động kèm theo tại phần Phụ lục của phương án bán.

VI. Kế hoạch sử dụng thu nhập từ việc bán tài sản NMTĐSB5

1. Thu nhập từ việc bán NMTĐSB5

Với giả thiết giá đấu giá thành công bằng giá đấu giá khởi điểm là 1.688 tỷ đồng, thu nhập từ việc bán NMTĐSB5 (sau khi thanh toán công nợ của dự án) được xác định tại thời điểm cuối năm 2018 như sau:

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
I	Thu nhập sau thuế từ việc bán tài sản (1)-(4)	1.510.033.013.575
1	Giá trị bán đấu giá thành công	1.688.000.000.000
2	Giá trị còn lại của NMTĐSB5	798.165.067.876
3	Chênh lệch giá trị = (1)-(2)	889.834.932.124
4	Thuế chuyển nhượng tài sản = (20%)*(3)	177.966.986.425
II	Các khoản phải trả	624.744.215.099
1	Trả nợ ngân hàng (vay dài hạn đầu tư SB5) ⁽²⁾	581.314.443.756
2	Trả nợ nhà thầu thi công xây dựng SB5	41.429.771.343
3	Chi phí bán tài sản và dự phòng (theo mục V.7)	2.000.000.000
III	Thu nhập sau thanh toán công nợ của dự án ((I)-(II))	885.288.798.476

² Giá trị vay dài hạn xác định tại thời điểm cuối năm 2018.

2. Thanh toán các khoản nợ, vay và các nghĩa vụ tài chính

Công ty dự kiến sử dụng thu nhập từ việc bán NMTĐSB5 để khắc phục các tồn tại tài chính và thanh toán các khoản nợ vay tồn tại từ nhiều năm trước như nợ lương người lao động, vay cá nhân/vay đầu tư, nợ cổ tức EVN, v.v. cụ thể như sau (dự kiến tại thời điểm cuối năm 2018):

Chi phí khắc phục các tồn tại tài chính (đồng)	382.311.915.778
Kết chuyển giá vốn của những công trình không còn doanh thu nhưng vẫn còn chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	261.601.313.873
Chi phí lãi vay không được vốn hóa SB5	45.710.601.905
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	75.000.000.000
Thanh toán các khoản nợ, vay (đồng)	431.883.418.687
Trả gốc vay cá nhân	183.956.477.536
Trả lương còn nợ NLĐ (lương đã chuyển sang vay)	185.000.000.000
Trả Cổ tức EVN	47.563.000.000

3. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty sau khi bán Sông Bung 5

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty giai đoạn 2018-2020 (sau khi bán Sông Bung 5) như sau:

Đơn vị: đồng

	2018	2019F	2020F
Sông Bung 5 (SXKD)			
Doanh thu thuần	192.786.259.370		
Chi phí giá vốn	58.154.998.979		
Lợi nhuận gộp	134.631.260.391		
Chi phí lãi vay	109.020.205.999		
Thu nhập từ hoạt động tài chính	759.745.084		
Lợi nhuận trước thuế	26.370.799.475		
PECC1			
Doanh thu	420.000.000.000	400.000.000.000	380.000.000.000
Chi phí giá vốn	337.313.026.813	323.830.648.573	311.292.261.757
Kết chuyển hàng tồn kho	261.601.313.873	9.694.344.423	9.209.627.202
	(178.914.340.686		
Lợi nhuận gộp)	66.475.007.004	59.498.111.041
Chi phí quản lý chung	33.600.000.000	32.000.000.000	30.400.000.000
Chi phí trích lập dự phòng	75.000.000.000	20.000.000.000	19.000.000.000
Chi phí lãi vay	28.714.642.853	4.917.150.000	4.917.150.000
Thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác	1.950.074.003	22.622.873.623	26.597.825.822

	2018	2019F	2020F
Thu nhập từ Bán TS	889.834.932.124		
Thuế chuyển nhượng tài sản	177.966.986.425	-	-
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	423.959.835.638	32.180.730.628	31.778.786.864
Thuế TNDN	-	6.436.146.126	6.355.757.373
	(186.537.310.586		
Thu nhập chịu thuế)	32.180.730.628	31.778.786.864
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%
Lợi nhuận sau thuế	423.959.835.638	25.744.584.502	25.423.029.491
Chỉ tiêu tài chính			
Hệ số Nợ/Vốn CSH	< 1	< 1	< 1
Hàng Tồn kho	193.886.888.454	184.192.544.031	174.982.916.829
Phải thu khách hàng	387.844.243.207	374.034.762.520	393.631.602.291
Tỷ suất Lợi nhuận trên VDL	159,38%	9,68%	9,56%

VII. Kết luận

Việc bán NMTĐSB5 và thu được tiền bán dự án trong năm 2018 là yếu tố tiên quyết để Công ty có điều kiện khắc phục tình trạng tài chính hiện tại, nhanh chóng ổn định và phát triển. Do vậy, Tổng giám đốc kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Phương án bán NMTĐSB5 nêu trên./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Nguyên Hùng